

**BÀI TẬP**

1. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ *Nhàn*.
2. Bài tập 5, trang 130, SGK.
3. Qua bài thơ *Nhàn*, anh (chị) hãy làm sáng tỏ sự kết hợp giữa trữ tình và triết lí trong thơ Nguyễn Bình Khiêm.

**GỢI Ý LÀM BÀI**

1. Bài thơ *Nhàn* làm hiện lên vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Bình Khiêm : yêu thiên nhiên, giản dị mà thanh cao.

– Yêu thiên nhiên, Nguyễn Bình Khiêm trở về sống giữa tự nhiên. Yêu đến độ hoà hợp, đến độ giữa con người và thiên nhiên không còn khoảng cách. Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, mùa nào thiên nhiên cũng là môi trường sống thanh tao :

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Hai câu thơ là một bộ tranh tứ quý, có cảnh, có người, có mùi vị, có hương sắc. Con người thảnh thơi, vui thú với thiên nhiên, tận hưởng niềm hạnh phúc mà thiên nhiên mang lại. Vật chất có mà tinh thần cũng có. Mùa thu ăn măng trúc, mùa đông ăn giá đỗ, nhưng câu thơ “Thu ăn măng trúc, đông ăn giá”, nói như Xuân Diệu là có cảm giác “ăn giá tuyết, uống băng đông”. Cách viết tinh tế trong câu thơ là biểu hiện của sự cảm nhận tinh tế về thiên nhiên của tác giả.

– Tâm hồn Bạch Vân Cư Sĩ giản dị mà thanh cao. Trạng Trình về sống giữa thôn quê như một “lão nông tri điền”, với những công cụ lao động – mai để đào đất, cuốc để xới đất, cần câu để bắt cá :

*Một mai, một cuốc, một cần câu,  
Thơ thần dầu ai vui thú nào.*

Nguyễn Bình Khiêm dòi bỏ chốn quan trường để về quê nhà dật, tránh xa danh lợi. Dù không sống và lao động như một người nông dân bình thường thì Bạch Vân Cư Sĩ vẫn gần gũi với người dân cả trong đời sống vật chất và tình thân.

Bạc đại ẩn trở về với cuộc sống chất phác, nguyên sơ của cái thời “tạc tỉnh canh điền” (đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy cơm ăn), hết sức giản dị với những thức ăn quê mùa, dân dã. Ăn đã vậy, còn ở, còn sinh hoạt? Cũng tắm hồ, tắm ao như bao người dân quê khác. Đạm bạc chứ không khắc khổ. Đạm đi với thanh : “Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao” – vừa có nước xanh trong, vừa có hương thơm thanh quý.

2. Qua toàn bộ thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, ta có thể thấy quan niệm sống *nhàn* của tác giả có nội dung phong phú và khá phức tạp. *Nhàn* là sống theo tự nhiên, sống hoà hợp với tự nhiên cho tâm hồn thanh thản: “Dầu nhần chê khen dầu miệng thế – Cơ cầu tạo hoá mặc tự nhiên”. *Nhàn* là sống cho trong sạch : “Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách”. *Nhàn* là sự phủ nhận danh lợi: “Để rẻ công danh đổi lấy nhàn”...

– Quan niệm sống nhàn đó của Nguyễn Bình Khiêm không phải là tìm đến sự nhàn nhã để chảnh vảnh và, cực nhọc. Nhàn cũng không phải là để thoả thú nhàn tản của bản thân, thây kệ cuộc đời, không bận tâm tới xã hội.

– Với Nguyễn Bình Khiêm, nhàn là sống hoà hợp với tự nhiên, thuận theo tự nhiên: “Thu ăn măng trúc, đông ăn giá – Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao”; nhàn là xa lánh nơi danh lợi, quyền quý để giữ cốt cách thanh cao: “Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ – Người khôn người đến chốn lao xao”.

– Bản chất của chữ *nhàn* ở Nguyễn Bình Khiêm là nhàn thân mà không nhàn tâm. Nhàn mà vẫn lo âu việc nước, việc đời. Nhà thơ tìm đến “say” nhưng là để tỉnh: “Rượu đến cội cây ta sẽ uống – Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”.

Quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm chứa đựng nhiều yếu tố tích cực. Nó khác xa lối sống “độc thiện kì thân” (làm tốt cho riêng mình).

3. Thơ Nguyễn Bình Khiêm có sự kết hợp giữa trữ tình và triết lí. Trạng Trình đã đem đến cho văn học Việt Nam một phong cách triết gia. Bài thơ *Nhàn* là cảm hứng nhàn mà cũng là triết lí nhàn.

– Triết lí nhàn ấy thể hiện qua quan niệm của tác giả về *dại* và *khôn* :

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao.*

Triết lí sâu sắc mà đùa vui hóm hỉnh trong cách nói ngược nghĩa, *dại* mà thực chất là *khôn* còn *khôn* mà hoá *dại*. Ở một bài thơ khác, Nguyễn Bình Khiêm viết :

*Khôn mà hiểm độc là khôn dại,  
Dại vốn hiền lành ấy dại khôn.*

---

(*Thơ Nôm* – bài 94)

Như vậy thì *dại*, *khôn*, ở Nguyễn Bình Khiêm là xuất phát từ trí tuệ, từ triết lí dân gian : “Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”.

– Triết lí nhân của Trạng Trình là trở về với tự nhiên, sống hoà hợp với tự nhiên, phủ nhận danh lợi. Nhân là về nơi *vắng vẻ* đối lập với *lao xao*, ta đối lập với *người*. Nơi *vắng vẻ* là nơi tĩnh tại của thiên nhiên và là nơi thanh thoi của tâm hồn, nơi không người cầu cạnh ta và ta cũng không cầu cạnh người. *Chốn lao xao* là chốn của quyền, là đường hoạn lộ, sang trọng thì có ngựa xe tấp nập, kẻ hầu người hạ, thủ đoạn thì có bon chen, luồn lọt, sát phạt. Còn Trạng Trình thì :

*Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

Nhà thơ tìm đến “say” chỉ là để “tỉnh”. “Tỉnh” để nhận ra công danh, của cải, quyền quý chỉ là giấc chiêm bao. Nguyễn Bình Khiêm triết lí với mục đích tự cảnh tỉnh mình nhưng lại có tác dụng cảnh tỉnh người đời. Triết lí, giáo huấn mà không khô khan, trái lại vẫn tràn đầy cảm xúc bởi nhà thơ nói bằng tất cả trái tim chân thành, nói bằng chính sự trải nghiệm của cuộc đời mình.